

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước
và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể ngày 19 tháng 6 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

b) Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

c) Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *hnh*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT.TU, TT. HĐND thành phố;
- BTV. Đảng ủy UBND thành phố;
- CT, PCT UBND TP;
- Thành viên UBND TP;
- UBMTTQVN và các đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- VP UBND TP (2, 3);
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, BN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

QUY ĐỊNH

**Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung bao gồm: định hướng, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, quản lý và vận hành hệ thống thoát nước, đầu nối thoát nước, dịch vụ thoát nước, phân công trách nhiệm quản lý cho các cơ quan chuyên môn; phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã; quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Các nội dung về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Thành phần hệ thống thoát nước

Thành phần hệ thống thoát nước bao gồm:

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1: Bao gồm kênh, mương, cống dẫn nước thải, nước mưa cho khu vực hoặc lưu vực thoát nước xả trực tiếp vào các nguồn tiếp nhận như sông, hồ hoặc nhà máy xử lý nước thải.

2. Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm đến mạng lưới thoát nước cấp 1.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm cống dọc các đường phố; cống dọc các hẻm, các cống dẫn nước mưa từ cửa thu nước hè phố, nước thải từ các hộ

đầu nổi và truyền tải nước thải, nước mưa đến mạng lưới thoát nước cấp 1 và cấp 2.

4. Điểm đầu nổi mà các hộ thoát nước xả nước vào hệ thống thoát nước công cộng, bao gồm các hố kiểm tra và ống đầu nổi đến mạng lưới thoát nước cấp 3.

5. Hố ga, cửa thu nước, các giếng tách nước mưa và nước thải (CSO), cống bao, cống áp lực, cống (đập, van) ngăn triều,...

6. Các trạm bơm nước thải, nước mưa và các cống liên quan đến trạm bơm.

7. Các hồ điều hòa.

8. Các cửa xả nước mưa hoặc nước thải.

9. Các nhà máy xử lý nước thải tập trung và trạm xử lý nước thải phi tập trung.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 3. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Các dự án, công trình thoát nước phải được thẩm định, phê duyệt trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của thành phố, đồ án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với các công trình hạ tầng khác để sử dụng chung theo quy định.

3. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước mưa, chống ngập và xử lý nước thải, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng; vệ sinh thông hút sạch sẽ hệ thống cống thoát nước đảm bảo thoát nước trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để bảo đảm hiệu quả kinh tế tổng hợp của dự án.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tự động hóa, hệ thống điều khiển thông minh trong đầu tư phát triển, quản lý, giám sát, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống thoát nước, nhằm nâng cao năng lực giám sát, điều khiển, dự báo và ứng phó sự cố, giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường.

6. Nghiên cứu ứng dụng các công trình thoát nước bền vững, kết hợp các giải pháp hạ tầng xanh, hồ điều hòa, thấm nước tự nhiên, tái sử dụng nước mưa, nước thải sau xử lý, góp phần bảo vệ tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước mưa, chống ngập và xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ xây dựng nhà máy xử lý nước thải, mạng lưới thu gom, chuyển tải nước thải đến hộp đấu nối trên toàn bộ phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước.

8. Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống thoát nước mưa, chống ngập, xử lý nước thải phải được nghiệm thu đưa vào sử dụng và quản lý vận hành, bảo dưỡng, bảo trì nhằm phát huy hiệu quả tối đa của dự án. Trước khi bàn giao dự án, công trình hệ thống thoát nước mưa, chống ngập, xử lý nước thải theo quy định, chủ đầu tư, chủ sở hữu phải xây dựng quy trình vận hành hoàn chỉnh, định mức - kinh tế kỹ thuật (trong trường hợp chưa có) làm cơ sở bàn giao, quản lý vận hành dự án sau khi đưa vào sử dụng.

9. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân thành phố là chủ sở hữu hệ thống thoát nước, nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn có tính chất liên xã, phường gồm: Công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới; nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung trong phạm vi địa giới hành chính của xã, phường quản lý (trừ các trường hợp tại khoản 1 Điều này) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới; nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn.

3. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Chủ đầu tư công trình thoát nước

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và Điều 11 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 6. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ trên địa bàn thành phố.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp đồng bộ với các địa phương liên quan trong trường hợp có đầu nối hệ thống thoát nước liên kề.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Đối với khu vực được quy hoạch và đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh của các hộ thoát nước phải được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước thải khu vực để dẫn truyền về trạm, nhà máy xử lý nước thải tập trung, nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí xây dựng và hiệu quả vận hành hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải, đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định pháp luật; trừ trường hợp được miễn trừ đầu nối.

2. Xử lý nước thải phi tập trung (xử lý nước thải tại chỗ, theo cụm hoặc theo khu vực):

a) Nước thải phát sinh tại khu đô thị mới, khu dân cư, khu dân cư nông thôn tập trung, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề, các cơ sở y tế, khu du lịch, điểm du lịch, chợ, trường học và các khu vực công cộng khác mà không có khả năng hoặc điều kiện thực tế chưa thể kết nối với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung thì được áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung.

b) Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 04/2015/TT-BXD hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn của Luật số 72/2020/QH14 và các quy định liên quan.

3. Trạm, nhà máy xử lý nước thải tập trung, phi tập trung phải được thể hiện trong quy hoạch, hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, hồ sơ về môi trường, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 8. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 9. Yêu cầu đối với công tác nạo vét, duy tu hệ thống thoát nước

Khi tiến hành duy tu, nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Thực hiện các biện pháp cần thiết (đặt tín hiệu, biển báo công trình,...) để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

2. Chất thải nạo vét bùn cống thoát nước phải đổ vào thùng kín không rò rỉ; vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dụng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng và đưa ra bãi thải ngay khi hoàn thành công việc; nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

3. Nạo vét xong phải tiến hành đập nắp đan, chèn kín khít mạch hệ thống thoát nước. Không được để miệng cống, hố ga hở sau khi hoàn thành công tác nạo vét.

Điều 10. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước mưa

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 12. Quản lý bùn thải

1. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 04/2015/TT-BXD, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định liên quan.

2. Nghiêm cấm các cá nhân, tổ chức không có giấy phép tự ý thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải.

Điều 13. Quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Có ý kiến đối với văn bản thỏa thuận đấu nối giữa đơn vị thoát nước và hệ thoát nước trước khi triển khai đấu nối trong phạm vi hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu. Trường hợp chưa có đơn vị thoát nước thì chủ sở hữu thực hiện thỏa thuận đấu nối với các hệ thoát nước khi có yêu cầu đấu nối trong phạm vi hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu.

3. Xác định nguyên nhân và xử lý kịp thời các tình trạng ngập, đảm bảo tiêu thoát nước và cảnh báo tình huống gây ngập liên quan đến hệ thống thoát nước được giao quản lý.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình quản lý.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đầu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

b) Thông báo thời điểm thi công đầu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nối đúng quy định.

Chương IV

ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 16. Thỏa thuận và miễn trừ đầu nối

Thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 17. Đầu nối hệ thống thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 18. Xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 19. Yêu cầu về kỹ thuật đầu nối

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Điều 20. Chi phí đầu nối và chính sách hỗ trợ

1. Chi phí đầu nối bao gồm các chi phí: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối.

2. Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình có công, gia đình có chứng nhận sổ hộ nghèo theo quy định.

3. Phương thức và mức hỗ trợ đầu nối: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương V

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 21. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước

Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo đầy đủ hai phần: chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ; đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phục vụ phải nhanh chóng, kịp thời, mức độ chính xác, mức độ an toàn, mức độ tiện lợi và tinh thần thái độ phục vụ.

Điều 22. Ngừng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 23. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước

Khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước được xác định theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương VI

PHÂN CÔNG VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 24. Phân công cơ quan chuyên môn quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố;

b) Chủ trì xây dựng nền tảng, cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ sở hữu xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật vào dữ liệu chung của thành phố;

c) Báo cáo tình hình quản lý, quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố đến Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn xả nước thải vào nguồn tiếp nhận;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn thành phố xả trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực và theo quy hoạch, quy định về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ

a) Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi do mình quản lý theo Quy định này và văn bản pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 25. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung trong phạm vi do mình quản lý theo Quy định này và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo quy định.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế./.